

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Tài chính ngân hàng thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng (mã số 7340201).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

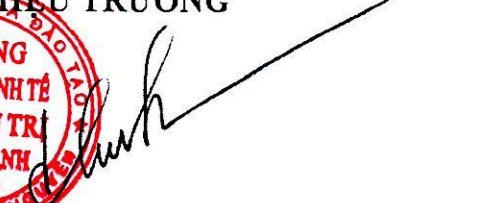
Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




PGS.TS. Đinh Hồng Linh



CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 44/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	FINANCIAL BANKING
3	Trình độ đào tạo	CỬ NHÂN
4	Ngành đào tạo	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
5	Mã ngành	7340201
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127 tín chỉ
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Khoa Ngân hàng – Tài chính
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11	Website	https://tueba.edu.vn http://nh-tc.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng Tiếng Anh: Finance – Banking bachelor
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Tài chính ngân hàng có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: * <i>Nhóm 1: Chuyên viên</i> - Chuyên viên tín dụng, chuyên viên đầu tư, chuyên viên quản lý rủi ro, chuyên viên dịch vụ khách hàng, chuyên viên thẩm định tín dụng, kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế...tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. - Chuyên viên kinh doanh, môi giới, đầu tư, phân

TT	Tiêu đề	Nội dung
		tích đầu tư, phân tích tài chính...tại các quỹ tín dụng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, quỹ bảo hiểm, công ty bảo hiểm và các định chế tài chính khác. - Chuyên viên tài chính, phân tích tài chính, quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội; chuyên viên tài chính tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính – sự nghiệp. - Triển vọng trong tương lai, người học có thể trở thành Trưởng bộ phận hoặc Giám đốc tài chính. <i>* Nhóm 2: Nhà đầu tư và Chủ doanh nghiệp</i> - Nhà đầu tư tài chính - Nhà phân tích đầu tư tài chính - Chủ doanh nghiệp, start-up <i>* Nhóm 3: Giảng viên và nghiên cứu viên</i> - Giảng viên, nghiên cứu viên và trợ giảng tại các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác liên quan. Người học có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao để phát triển và trở thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Tài chính ngân hàng- Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội; CTĐT Tài chính ngân hàng-Đại học Thương mại.
18	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	
19	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 3/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức cơ sở và bổ trợ về kinh tế, quản trị và quản lý; có kiến thức chuyên môn, kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, đáp ứng được yêu cầu của công việc và

thích ứng với môi trường năng động trong các doanh nghiệp, định chế tài chính và cơ quan quản lý nhà nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên - xã hội; kiến thức chung về kinh tế, quản trị và quản lý; kiến thức chuyên ngành về tài chính - ngân hàng để giải quyết các công việc chuyên môn trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế.

PO2. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm và kỹ năng hỗ trợ để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính ngân hàng trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

PO3. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật, có sức khỏe tốt; có ý thức học tập, nâng cao năng lực và trình độ theo tinh thần học tập suốt đời; có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân khi làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, chịu được áp lực trong công việc.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC	
PLO1	Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội cho công việc chuyên môn	2
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành Tài chính ngân hàng	3
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, quản trị và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản của lĩnh vực ngành Tài chính ngân hàng	3
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PLO3	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc của lĩnh vực tài chính ngân hàng	3
PI3.1	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin cơ bản (word, excel,	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn, đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	
PI3.2	Vận dụng kiến thức một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng	3
PLO4	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin và đề xuất các giải pháp trong việc ra quyết định tài chính của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các định chế tài chính	3
PI4.1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành tài chính ngân hàng (tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, tài chính quốc tế, định giá tài sản, thẩm định tài chính dự án, thuế, tín dụng ngân hàng...) trong khi thực hiện công việc	3
PI4.2	Thực hành thu thập, tính toán, tổng hợp các số liệu tài chính, ngân hàng trong các lĩnh vực liên quan	3
PI4.3	Vận dụng các chỉ số tài chính đã tính toán để phân tích, đánh giá vấn đề khi thực hiện công việc	3
PI4.4	Đề xuất các giải pháp tài chính để giải quyết vấn đề khi thực hiện công việc	3
PLO5	Vận dụng kiến thức chuyên môn khi tham gia trải nghiệm, thực tế, thực tập tại đơn vị	3
PI5.1	Vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn để phân tích, xử lý các tình huống khi tham gia trải nghiệm, thực tế, thực tập tại đơn vị	3
PI5.2	Phân tích môi trường và lĩnh vực hoạt động của đơn vị để đưa ra những quyết định chuyên môn trong vị trí việc làm tương ứng	3
	CHUẨN ĐẦU RA VỀ KỸ NĂNG	
PLO6	Thành thạo các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3
PI6.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI6.2	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực chuyên môn	3
PLO7	Thành thạo các kỹ năng chuyên môn để phục vụ công việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3
PI7.1	Thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin để đưa ra các quyết định chuyên môn	3
PI7.2	Thực hiện lập kế hoạch tài chính, điều phối, tổ chức sắp xếp công việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI7.3	Thực hiện dự báo, phân tích các vấn đề để đưa giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn	3
PLO8	Xây dựng được ý tưởng khởi nghiệp cho bản	2
	CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM	
PLO9	Tuân theo các quy định của pháp luật, xã hội, cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời	2
PI9.1	Tuân theo các quy định pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng	2
PI9.2	Rèn luyện sức khoẻ, hình thành ý thức tự giác học tập và nghiên cứu	2
PLO10	Bảo vệ được quan điểm cá nhân, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn; làm việc độc lập và chịu được áp lực trong công việc; thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc	3
PI10.1	Bảo vệ được quan điểm cá nhân và có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn	3
PI10.2	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3
PI10.3	Thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc và định hướng nghề nghiệp cho bản thân	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		34		
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	3	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
6	Pháp luật đại cương	LAW121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1);	
7	Tin học ứng dụng	AIN131	3	PLO2 (PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO10 (PI10.2)	
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	3	PLO1 (PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO9 (PI9.2)	
9	Toán kinh tế	MAE131	3	PLO1 (PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO9 (PI9.2)	
10	Tiếng Anh 1	ENG121	2	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
11	Tiếng Anh 2	ENG122	2	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
12	Tiếng Anh 3	ENG133	3	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
13	Tiếng Anh 4	ENG134	3	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
14	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI121	2	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO8; PLO9 (PI9.2)	
15	Giáo dục thể chất 1	PHE011	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
16	Giáo dục thể chất 2	PHE012	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
17	Giáo dục thể chất 3	PHE013	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
18	Giáo dục quốc phòng		5 tuần	PLO9 (PI9.2)	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30		
	Bắt buộc		21		
19	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
20	Quản trị học	MAN231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
21	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
22	Marketing căn bản	PMA231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
23	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI10.2)	
24	Nguyên lý thống kê	PSE231	3	PLO2 (PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
25	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
	Tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong số 6 HP tự chọn)		9		

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
26	Luật kinh tế căn bản	ELA231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PLO9.1); PLO10 (PI10.2)	
27	Thương mại điện tử	ECM331	3	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.2); PLO10 (PI10.2)	
28	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	WBM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SRM231	3	PLO2 (PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI10.2)	
30	Hệ thống thông tin trong quản lý	MIS231	3	PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)	
31	Kinh tế lượng	ECO231	3	PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2, PI10.3)	
2.2	Kiến thức ngành		27		
	<i>Bắt buộc</i>		<i>15</i>		
32	Kế toán tài chính	FAC331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)	
33	Tài chính doanh nghiệp căn bản	COF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	x
34	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại căn bản	COB331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	x
35	Tài chính quốc tế	INF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	x
36	Thị trường và các định chế tài chính	FMI331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)</i>		<i>12</i>		
37	Thị trường chứng khoán	SMK331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
38	Tín dụng ngân hàng	BCR331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
39	Thuế	STT331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
40	Nguyên lý bảo hiểm	PRI231	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3,	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
				PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
41	Tài chính công	PUF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
42	Pháp luật tài chính	FIL231	3	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)	
43	Kỹ năng quản trị	MAS331	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
44	Digital Marketing	DIM331		PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
2.3	Kiến thức chuyên ngành		24		
	Bắt buộc		12		
45	Thẩm định tài chính dự án	FAP331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO8; PLO10 (PI10.2)	
46	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	COB332	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO10 (PI10.2)	x
47	Quản trị ngân hàng thương mại	MCB331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
48	Quản trị rủi ro tài chính	FRM331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	x
	<i>Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 8 học phần tự chọn)</i>		12		
49	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	BPC331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO10 (PI10.2)	
50	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng thương mại	PCB331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
51	Thanh toán quốc tế	INP331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
52	Tài chính doanh nghiệp chuyên ngành	COF332	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
53	Dịch vụ ngân hàng	BAS331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
54	Thực hành tài chính doanh nghiệp	PCF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1,	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng chuẩn đầu ra (PLO)	HP trải nghiệm
				PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
55	Phân tích và đầu tư chứng khoán	AIS331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2; PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
56	Kế toán ngân hàng	BAA331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)	
2.4	<i>Thực tập môn học CTĐT Tài chính ngân hàng</i>	<i>BAF421</i>	2	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
2.5	<i>Thực tập tốt nghiệp CTĐT Tài chính ngân hàng</i>	<i>BAF441</i>	4	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
2.6	<i>KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Tài chính ngân hàng</i>	<i>BAF904</i>	6	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PLO9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
	<i>Tự chọn thay thế khóa luận (sinh viên chọn 2 trong số 5 học phần)</i>				
57	Định giá tài sản	BPR331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
58	Kinh doanh ngoại hối	ECE331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO10 (PI10.2)	
59	Phân tích tài chính doanh nghiệp	CFA331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO8 PLO10 (PI10.2)	
60	Kiểm toán nội bộ	INA331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1, PI9.2)	
61	Tài chính công ty đa quốc gia	FMC331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
	Tổng số tín chỉ		127		



V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	Học kì I			15			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	Bắt buộc	3	36	18	
2	Toán kinh tế	MAE131	Bắt buộc	3	36	18	
3	Tiếng Anh 1	ENG121	Bắt buộc	2	24	6	
4	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Pháp luật đại cương	LAW121	Bắt buộc	2	24	12	
6	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI 121	Bắt buộc	2	24	12	
7	Giáo dục thể chất I	PHE111	Bắt buộc	x			
II	Học kì II			16			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 2	ENG122	Bắt buộc	2	24	12	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tin học ứng dụng	AIN131	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý kế toán	ACT231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	Bắt buộc	3	36	18	
7	Giáo dục thể chất II	PHE112	Bắt buộc	x			
III	Học kì III			17			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 3	ENG123	Bắt buộc	3	36	18	
3	Quản trị học	MAN231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tài chính tiền tệ	FAM231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý thống kê	PSE231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Giáo dục thể chất III	PHE113	Bắt buộc	x			
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	x			
8	HP tự chọn cơ sở ngành (chọn 1 trong 2 học phần tự chọn)		Tự chọn	3	36	18	
IV	Học kì IV			18			
1	Marketing căn bản	PMA231	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tài chính doanh nghiệp căn bản	COF331	Bắt buộc	3	36	18	x
3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại căn bản	COB331	Bắt buộc	3	36	18	x
4	Thị trường và các định chế tài chính	FMI331	Bắt buộc	3	36	18	
5	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
V	Học kì V			18			
1	Kế toán tài chính	FAC331	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tài chính quốc tế	INF331	Bắt buộc	3	36	18	x
3	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
VI	Học kì VI			16			
1	Tiếng Anh 4	ENG124	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	
3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	COB332	Bắt buộc	3	36	18	x

TT	Học kì / Học phần	Mã học phần	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
	nâng cao						
4	Quản trị rủi ro tài chính	FRM331	Bắt buộc	3	36	18	x
6	Thực tập môn học CTĐT Tài chính ngân hàng	BAF421	Bắt buộc	2			
VII	Học kì VII			17			
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Thẩm định tài chính dự án	FAP331	Bắt buộc	3	36	18	
3	Quản trị ngân hàng thương mại	CBM331	Bắt buộc	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
7	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
VIII	Học kì VIII			10			
1	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Tài chính ngân hàng	BAF441		4			
2	KLTN/ Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Tài chính ngân hàng	BAF904		6			
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	Tổng số tín chỉ			127			

